

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

MÃ NGÀNH: 52720501

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

NĂM 2017

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

Tên chương trình: Điều dưỡng – Nursing

Mã ngành đào tạo: 52720501

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Điều dưỡng

Thời gian đào tạo: 8 học kỳ chính. Tùy theo năng lực học tập, sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian hoàn thành chương trình. Thời gian tối đa được cộng thêm để hoàn thành chương trình đào tạo là 4 học kỳ, riêng các sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy được cộng thêm 2 học kỳ.

Ngày ban hành: ngày tháng năm 2017

Mục tiêu đào tạo: Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khỏe, có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1: Trình bày cấu tạo và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý qua các thời kỳ trẻ em, người lớn, người cao tuổi.

Chuẩn đầu ra 2: Liên kết được sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

Chuẩn đầu ra 3: Thực hiện đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng, trong đó vận dụng đúng các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy người bệnh và gia đình làm trung tâm.

Chuẩn đầu ra 4: Lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh dựa trên nhận định người bệnh toàn diện, có hệ thống và có sự thống nhất với đồng nghiệp, người nhà người bệnh về các vấn đề ưu tiên, sự mong muốn và kết quả mong đợi cho người bệnh.

Chuẩn đầu ra 5: Thực hành đảm bảo an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn, thoải mái, hiệu quả, quản lý nguy cơ và kiểm soát nhiễm khuẩn.

Chuẩn đầu ra 6: Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn

Chuẩn đầu ra 7: Phát hiện sớm, ra quyết định xử trí và thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả cho người bệnh

Chuẩn đầu ra 8: Thực hành chăm sóc, tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa người bệnh và cộng đồng. Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch.

Chuẩn đầu ra 9: Tham gia hiệu quả công tác quản lý ngành, quản lý hồ sơ, công tác chăm sóc, trang thiết bị y tế.

Chuẩn đầu ra 10: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực hành điều dưỡng, và thực hành dựa trên chứng cứ. Tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế.

Chuẩn đầu ra 11: Vận dụng kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước trong thực hành nghề nghiệp; theo đúng yêu cầu của ngành đào tạo.

Chuẩn đầu ra 12: Giao tiếp, cộng tác và làm việc nhóm hiệu quả hiệu quả; ứng xử chuyên nghiệp; thể hiện tinh thần trung thực, khách quan, trách nhiệm; thể hiện tinh thần, thái độ lấy người bệnh làm trung tâm; tôn trọng quyền lợi người bệnh, bảo đảm sự bảo mật thông tin cho người bệnh và ý thức phục vụ cộng đồng.

Chuẩn đầu ra 13: Thực hiện tốt các kỹ năng mềm để xử lý công việc: Kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý, kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng thể hiện tư duy phản biện, tư duy sáng tạo; kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, bài báo khoa học; kỹ năng tự học và học tập suốt đời.

Chuẩn đầu ra 14: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để giao tiếp, tra cứu tài liệu; thu thập thông tin mới và áp dụng vào thực tiễn.

Chuẩn đầu ra 15: Sử dụng tốt tiếng Anh và/hoặc các ngôn ngữ khác trong giao tiếp, đọc được văn bản, viết báo cáo và phát biểu về các chủ đề liên quan đến ngành đào tạo; trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra 16: Luyện tập được ít nhất một môn thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe và thể chất cho bản thân.

Số tín chỉ yêu cầu: 140 tín chỉ (132 tín chỉ bắt buộc, 08 tín chỉ tự chọn).

Tiêu chí tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo và đề án tuyển sinh của trường ĐHYD Cần Thơ. Đối tượng tuyển sinh là thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hộ khẩu thường trú thuộc vùng tuyển sinh của Trường, có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT quốc gia của 03 môn Toán, Hóa và Sinh (không nhân hệ số). Trường hợp nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Toán xét tuyển điểm từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu.

Cấu trúc chương trình dạy học:

Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố TC			Mức độ đóng góp vào CDR
			LT	TH	TH	
	Kiến thức chung					
CB0301	Những nguyên lý cơ bản của Chủ Nghĩa Mác Lênin I	2	2	0	4	H: PLO 10-14 S: PLO 2, 9
CB0302	Những nguyên lý cơ bản của Chủ Nghĩa Mác Lênin II	3	3	0	6	H: PLO 10-14 S: PLO 2, 9
CB0303	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	H: PLO 10-14 S: PLO 2, 9
CB0304	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	6	H: PLO 10-14 S: PLO 2, 9
CB0101	Anh văn I	2	2	0	4	H: PLO15

						S: PLO 1-14
CB0103	Anh văn II	3	3	0	6	H: PLO15 S: PLO 1-14
CB0104	Anh văn chuyên ngành III	3	3	0	6	H: PLO15 S: PLO 1-14
CB0405	Tin học đại cương	2	1	1	2	H: PLO14 S: PLO 9, 13
CB0503	Giáo dục thể chất	3	1	2	2	H: PLO13, 16
	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	0	6	H: PLO11, 12 S: PLO10, 13, 16
	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	0	4	H: PLO11, 12 S: PLO10, 13, 16
	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	1	4	H: PLO11, 12 S: PLO10, 13, 16
	Kiến thức cơ sở khối ngành					
CB0401	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0	4	H: PLO10, 13
CB0205	Hóa học	2	1	1	2	H: PLO2, 10 S: PLO13, 14, 15
CB0502	Sinh học và Di truyền	2	1	1	2	H: PLO1, 2, 9, 10 S: PLO 13, 14, 15
CB0404	Vật lý và Lý sinh	2	1	1	2	H: PLO1, 10 S: PLO 12, 13
YT0122	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	0	2	H: PLO 10, 13, 14 S: PLO 9, 12
YT0401	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	0	4	H: PLO 2, 8, 11 S: PLO 10, 12
	Kiến thức cơ sở ngành					
YY0104	Giải phẫu	3	2	1	4	H: PLO1, 2, 8 S: PLO 5-7, 9

YY0404	Sinh lý	3	2	1	4	H: PLO1, 2 S: PLO5-9
YY0602	Hóa sinh	3	2	1	4	H: PLO 1, 2 S: PLO 5-9
YY0702	Vi sinh	2	1	1	2	H: PLO1, 2 S: PLO5-10
YY0802	Ký sinh trùng	2	1	1	2	H: PLO 2-5 S: PLO 8, 10, 12, 13, 15
YY0501	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1	4	H: PLO1, 2, 8
DK0301	Dược lý	3	2	1	4	H: PLO 2, 5-8 S: PLO 1, 12-15
YT0417	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	1	0	2	H: PLO 4, 8, 13 S: PLO 11, 12
YT0505	Dinh dưỡng - Tiết chế	3	2	1	4	H: PLO 8, 10 S: PLO 3, 4, 5, 6, 9
YT0306	Sức khỏe môi trường	2	1	1	2	H: PLO 8, 9, 10 S: PLO 1-6
YT0101	Dịch tễ học	2	1	1	2	H: PLO 2, 7, 8
YT0424	Pháp luật – Tổ chức Y tế	2	1	1	2	H: PLO 4, 9, 11 S: PLO 5, 13
YY2501	Y học cổ truyền	2	1	1	2	H: PLO 3, 4 - 8, 10 S: PLO1, 2
Kiến thức chuyên ngành						
DD0105	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	3	2	1	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO 2, 11 - 15
DD0110 DD0111	Điều dưỡng cơ sở I	4	2	2	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0108	Điều dưỡng cơ sở II	3	1	2	2	H: PLO3, 4 - 8,

DD0109						10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0107	Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ sở	2	0	2	0	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0511	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1	2	H: PLO 2, 3, 4, 5, 6 S: PLO 8, 9, 10
DD0202	Giáo dục sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1	2	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0301 DD0302	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I	9	4	5	8	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0303 DD0304	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II	9	4	5	8	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0305 DD0306	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa III	9	4	5	8	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0329 DD0330	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	1	1	2	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0313	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	1	1	0	2	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0401 DD0402	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I	9	4	5	8	H: PLO3, 4 - 8, 10

						S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0403 DD0404	Chăm sóc sức khoẻ người lớn có bệnh Ngoại khoa II	9	4	5	8	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0405 DD0406	Chăm sóc sức khoẻ người lớn có bệnh Ngoại khoa III	9	4	5	8	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0423 DD0424	Sức khỏe bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng I	4	2	2	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0425 DD0426	Sức khỏe bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng II	4	2	2	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0315 DD0316	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	4	2	2	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0317 DD0318	Chăm sóc sức khỏe trẻ em II	4	2	2	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0332 DD0333	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	1	1	2	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0334 DD0335	Chăm sóc sức khỏe người bệnh tâm thần	2	1	1	2	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO 1, 2, 9, 11, 12, 13
YY1403	CSSK cho người cần được phục hồi chức năng	2	1	1	2	H: PLO3, 4 - 8, 10

						S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0205 DD0206	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	1	2	2	H: PLO 2, 8-13 S: PLO 4, 14, 15
DD0106	Quản lý điều dưỡng	2	1	1	2	H: PLO 9-13 S: PLO 14, 15
DD0336 DD0337	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nội khoa	8	2	6	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0431 DD0432	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Ngoại khoa	8	2	6	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0338 DD0339	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nhi khoa	8	2	6	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0438 DD0439	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Sản phụ khoa	8	2	6	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0435 DD0436	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh CK hệ Ngoại	8	2	6	4	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15
DD0001	Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	3	3	0	6	H: PLO3, 4 - 8, 10 S: PLO2, 11, 12, 13, 14, 15

Chú thích: S (Support): đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

Khoa quản lý chương trình đào tạo: Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học

MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I (2:2:0)

Đây là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu những quy luật chung nhất của thế giới, về vị trí và vai trò của con người trong thế giới. Học phần này cung cấp những kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nội dung học phần sẽ hình thành thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động thực tiễn của chủ thể nhận thức.

2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin II (3:3:0)

Đây là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu những quy luật kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần này cung cấp những kiến thức về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Nội dung học phần giúp sinh viên hiểu được các quy luật kinh tế chính trị và xây dựng niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội khoa học.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2:2:0)

Đây là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc, về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Học phần giúp sinh viên nâng cao ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong học tập và cuộc sống.

4. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (3:3:0)

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Nội dung làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam – chủ thể hoạch định đường lối cách mạng. Học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về đường lối đấu tranh cách mạng, đường lối xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Nội dung học phần góp phần xây dựng niềm tin vào đường lối cách mạng, vào sự lãnh đạo của Đảng cho sinh viên.

5. Anh văn I (2:2:0)

Học phần Anh văn I thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các chủ đề về xã hội, giáo dục, môi trường, mua sắm, mô tả các mối quan hệ xã hội. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về

ngữ pháp ở trình độ Sơ trung (Pre-intermediate), các kỹ năng giao tiếp thông dụng, cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp thông thường và tham khảo tài liệu.

6. Anh văn II (3:3:0)

Học phần Anh văn II thuộc kiến thức giáo dục đại cương giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các chủ đề về giải trí, khoa học công nghệ, thẩm mỹ, tính cách con người, tội phạm và bạo lực. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp ở trình độ Trung cấp (Intermediate), các kỹ năng giao tiếp thông dụng, cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp thông thường và tham khảo tài liệu

7. Anh văn chuyên ngành (3:3:0)

Học phần Anh văn chuyên ngành thuộc kiến thức giáo dục đại cương, trang bị cho sinh viên vốn từ cần thiết về các hệ của cơ thể sống, cơ chế hoạt động cơ bản của hệ và các bệnh thông thường. Nội dung học phần này giúp sinh viên có thể giao tiếp và tham khảo tài liệu y văn.

8. Tin học đại cương (2:1:1)

Tin học là môn học cơ sở quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong y học. Học phần này bao gồm một số vấn đề cơ bản về công nghệ thông tin và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng phần mềm Microsoft Word; nhập và xử lý số liệu cùng các bài toán ứng dụng bằng phần mềm Microsoft Excel; thiết kế được các trình diễn bằng phần mềm Microsoft PowerPoint; sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet. Nội dung học phần này sẽ là kiến thức nền tảng cho học phần tin học ứng dụng

9. Giáo dục thể chất (3:1:2)

Học phần Giáo dục thể chất thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giúp sinh viên hiểu biết được cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao và trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản, luật thi đấu và phương pháp trọng tài của các môn bóng chuyền, bóng đá, cầu lông. Bên cạnh, học phần cũng hỗ trợ sinh viên tích cực tham gia thể thao ngoại khóa nhằm nâng cao sức khỏe và thể chất cho sinh viên.

10. Giáo dục quốc phòng an ninh 1 (3:3:0)

Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần trang bị kiến thức cơ bản về học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc, các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng

cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần còn giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Nội dung học phần nâng cao ý thức tự giác, trách nhiệm tham gia công tác quốc phòng, luyện tập quân sự, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

11. Giáo dục quốc phòng an ninh 2 (2:2:0)

Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần này cung cấp những kiến thức về phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Học phần sẽ giúp sinh viên có ý thức tự giác, có trách nhiệm tham gia công tác quốc phòng, luyện tập quân sự, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

12. Giáo dục quốc phòng an ninh 3 (3:2:1)

Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần quân sự chung nghiên cứu những kỹ năng cơ bản về quân sự. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41, thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Học phần giúp sinh viên xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học, kỹ năng quân sự cần thiết sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

13. Xác suất – thống kê y học (2:2:0)

Học phần Xác suất - Thống kê y học là môn cơ sở của khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về xác suất phục vụ cho thống kê, các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp thu thập và trình bày dữ liệu; ước lượng tham số của tổng thể bằng khoảng tin cậy đối xứng; kiểm định giả thuyết một mẫu, hai mẫu và nhiều mẫu độc lập; phân tích phương sai, phân tích hồi quy và tương quan giữa 2 biến ngẫu nhiên. Nội dung học phần làm nền tảng để giải thích ý nghĩa của các thông số khi phân tích số liệu thống kê trong nghiên cứu khoa học sức khỏe.

14. Hóa học (2:1:1)

Hóa học là học phần cơ sở khối ngành khoa học sức khỏe, cung cấp kiến thức cơ bản về: cấu tạo nguyên tử, tính chất các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn, cấu tạo phân tử, liên kết hóa học, các nguyên lý cơ bản của nhiệt động lực học, động hóa học, cân bằng hóa học, dung dịch các chất không điện ly, các chất

điện ly, dung dịch keo và điện hóa học, làm cơ sở để học tập các học phần tiếp theo của các ngành Cử nhân.

15. Sinh học và di truyền (2:1:1)

Nội dung môn học mô tả các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại nhất như sinh học phân tử, sinh học tế bào và sinh học phát triển. Đồng thời học phần còn bao quát các kiến thức về cơ sở vật chất, đặc điểm các quy luật di truyền chi phối các tính trạng người.

16. Vật lý và lý sinh (2:1:1)

Vật lý và Lý sinh là học phần cơ sở tương đối quan trọng cho khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật lý có nhiều ứng dụng như sóng âm, dòng điện trong cơ thể, phóng xạ sinh học, các nguyên lý chính trong các thiết bị y tế... và giải thích các hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Học xong học phần này sẽ làm nền tảng để học các môn chuyên ngành và giải thích được các hiện tượng vật lý liên quan đến cơ thể sống.

17. Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe (1:1:0)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe thuộc kiến thức ngành cung cấp các kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu, đánh giá một nghiệm pháp chẩn đoán, cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học.

18. Tâm lý y học – đạo đức y học (2:2:0)

Học phần này thuộc Kiến thức cơ sở khối ngành, trong đó phần tâm lý học mô tả các hiện tượng tâm lý, trình bày những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người, ứng dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành y tế với bệnh nhân và đồng nghiệp. Phần đạo đức y học: trình bày các khái niệm cơ bản về đạo đức học trong y khoa, nghĩa vụ của người cán bộ y tế đối với bệnh nhân và xã hội, những nội dung đặc trưng của đạo đức người cán bộ y tế. Học phần Tâm lý học-đạo đức y học liên quan mật thiết đến môn học Khoa học hành vi - giáo dục sức khỏe.

19. Giải phẫu (3:2:1)

Học phần Giải phẫu thuộc kiến thức cơ sở ngành, giới thiệu cho sinh viên biết về hình thái của cơ thể người bình thường. Sinh viên được học lý thuyết về cấu tạo các hệ cơ quan của cơ thể và thực hành trên mô hình, xác ướp để mô tả được vị

trí, hình thể ngoài, hình thể trong của các bộ phận, cơ quan, hệ cơ quan và mối liên quan của chúng với nhau; từ đó áp dụng kiến thức giải phẫu vào các học phần khác trong chương trình học.

20. Sinh lý (3:2:1)

Sinh lý học là môn học cơ sở quan trọng của y học nghiên cứu về các chức năng bình thường của cơ thể sống, mà chủ yếu là cơ chế thực hiện và điều hòa hoạt động chức năng. Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản của cơ thể sống với đơn vị sống là các tế bào, hai cơ chế điều hòa hoạt động của cơ thể là cơ chế thần kinh và thể dịch. Học phần này cũng đề cập đến sinh lý các cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể. Những kiến thức chung này có thể được vận dụng để giải thích một số rối loạn chức năng, sinh bệnh học, các kết quả xét nghiệm, thăm dò chức năng.

21. Hóa sinh (3:2:1)

Học phần Hóa sinh thuộc kiến thức cơ sở ngành, giới thiệu những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; trình bày nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học. Phần hóa sinh lâm sàng sẽ trang bị cho sinh viên những vấn đề chung của hóa sinh lâm sàng như: cách trình bày kết quả xét nghiệm và ý nghĩa của các xét nghiệm hóa sinh trong lâm sàng, biện luận các kết quả hóa sinh trong máu, nước tiểu và dịch cơ thể có liên quan đến bệnh lý của các cơ quan như gan, thận,... giải thích một số rối loạn chức năng cơ quan trong cơ thể.

22. Vi sinh (2:1:1)

Học phần Vi sinh thuộc kiến thức cơ sở ngành. Học phần này trình bày các đặc điểm vi sinh học (hình dạng, cấu trúc, tính chất tăng trưởng) và kháng nguyên của vi sinh vật gây bệnh. Mối quan hệ giữa vi sinh vật, môi trường và cơ thể; khả năng gây bệnh, cơ chế gây bệnh của một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp; các phương pháp xét nghiệm chẩn đoán tác nhân gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật thường gặp.

23. Ký sinh trùng (2:1:1)

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển và đặc điểm dịch tễ học của một số loại ký sinh trùng chủ yếu ở Việt nam; đặc điểm cơ bản về bệnh học, nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng; mối liên quan giữa ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng. Vận dụng những kiến thức về ký sinh trùng vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng

24. Sinh lý bệnh – miễn dịch (3:2:1)

Học phần Sinh lý bệnh-Miễn dịch là một môn học ghép giữa hai môn Sinh lý bệnh học và Miễn dịch học. Học phần này sẽ cung cấp cho người học kiến thức về sinh lý bệnh đại cương và sinh lý bệnh cơ quan (các khái niệm cơ bản trong sinh bệnh học; các quy luật hoạt động của cơ thể bệnh trong các quá trình bệnh bệnh lý; những thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị tổn thương trong các bệnh lý) và miễn dịch học (kiến thức miễn dịch học đại cương, nghiên cứu các khái niệm cơ bản về hệ thống đáp ứng miễn dịch trong cơ thể và ý nghĩa của đáp ứng miễn dịch đối với cơ thể).

25. Dược lý (3:2:1)

Học phần Dược lý thuộc kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thuốc, cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và những vấn đề liên quan đến điều trị để thầy thuốc có thể hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả, hợp lý và an toàn.

26. Sức khỏe - nâng cao sức khỏe và hành vi con người (1:1:0)

Môn học Sức khỏe - nâng cao sức khỏe và hành vi con người dùng đào tạo đối tượng cử nhân điều dưỡng đa khoa hệ chính qui, nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về sức khỏe, phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng nâng cao sức khỏe; các khái niệm cơ bản về hành vi con người, mối liên quan giữa hành vi con người với các vấn đề sức khỏe; vai trò của nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

27. Dinh dưỡng – tiết chế (3:2:1)

Dinh dưỡng tiết chế là môn cơ sở ngành, bao gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng. Các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện các vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng; các kiến thức cơ bản về an toàn vệ sinh thực phẩm. Vận dụng kiến thức về Dinh dưỡng - Tiết chế vào thực tế chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phù hợp với văn hóa của người bệnh và cộng đồng.

28. Sức khỏe môi trường (2:1:1)

Môn Sức khỏe môi trường là môn cơ sở ngành sẽ giới thiệu cho người học về các định nghĩa và khái niệm liên quan đến sức khỏe và môi trường, các yếu tố môi trường ảnh hưởng lên sức khỏe và các tác động gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững cho

các vùng sinh thái khác nhau. Đồng thời, phần thực hành của môn học này sẽ hướng dẫn cho sinh viên cách đánh giá một số yếu tố môi trường tác động lên sức khỏe.

29. Dịch tễ học (2:1:1)

Học phần cơ sở ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; Các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; Mô tả và phân tích tình trạng sức khỏe của cộng đồng dân cư; Phân tích đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng; Nguyên tắc điều tra, kiểm soát một vụ dịch; Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe..

30. Pháp luật – tổ chức y tế (2:1:1)

Học phần này là học phần cơ sở ngành có nội dung gồm kiến thức chung nhất về nhà nước và pháp luật; những quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và hành nghề Điều dưỡng. Kiến thức về hệ thống tổ chức, quản lý và hoạt động của ngành Y tế nói chung và của ngành Điều dưỡng Việt Nam. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức quản lý của người Điều dưỡng và hệ thống tổ chức Điều dưỡng.

31. Y học cổ truyền (2:1:1)

Y học cổ truyền là môn học chuyên khoa đặc biệt. Nội dung học phần bao gồm những học thuyết của hệ lý luận cơ bản và phương pháp chẩn đoán bệnh theo y học cổ truyền, các phương pháp chữa bệnh bằng cách dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thông thường. Sinh viên có thể nhận dạng được một số vị thuốc đông dược thông dụng, làm được các thủ thuật châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt,... để điều trị một số bệnh thường gặp trên lâm sàng. Học phần này giúp cho sinh viên vận dụng tốt chủ trương kết hợp đông tây y trong hoạt động chuyên môn của mình sau này.

32. Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng (3:2:1)

Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng là học phần cơ sở quan trọng. Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về hình thức, kỹ năng giao tiếp cơ bản giữa cán bộ y tế với đồng nghiệp, cộng đồng, người bệnh và thân nhân của người bệnh trong quá trình thực hiện công tác chuyên môn. Học phần này giúp sinh viên vận dụng tốt kỹ năng giao tiếp vào công tác Điều dưỡng và nâng cao chất lượng chăm sóc.

33. Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng (2:1:1)

Học phần này cung cấp kiến thức về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng giáo dục sức khỏe, vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe và thể trạng của cá nhân, gia đình và cộng đồng; lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng.

34. Điều dưỡng cơ sở 1 (4:2:2)

Điều dưỡng cơ sở I là học phần quan trọng nghiên cứu về Điều dưỡng cơ bản. Học phần này giới thiệu các vấn đề về nghề nghiệp của Điều dưỡng, sự phát triển của ngành và nhu cầu cơ bản của con người. Học phần này cũng trang bị các kiến thức trong chăm sóc vệ sinh tại giường cho người bệnh và một số kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản. Nội dung học phần sẽ làm nền tảng để sinh viên vận dụng vào công tác chăm sóc người bệnh trên lâm sàng.

35. Điều dưỡng cơ sở 2 (3:1:2)

Điều dưỡng cơ sở II là học phần quan trọng nghiên cứu về Điều dưỡng cơ bản. Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Điều dưỡng, các kỹ thuật sơ cấp cứu ban đầu và kỹ năng thăm khám thể chất. Nội dung học phần sẽ làm nền tảng để sinh viên vận dụng vào công tác chăm sóc người bệnh trên lâm sàng.

36. Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở (2:0:2)

Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ sở là học phần quan trọng về kỹ năng Điều dưỡng cơ bản. Học phần này giúp sinh viên ứng dụng những kiến thức đã học trong Điều dưỡng cơ sở I –II để thực hành thuần thực các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản và kỹ năng thăm khám thể chất cho người bệnh trên lâm sàng. Từ đó sinh viên vận dụng vào chăm sóc người bệnh theo đúng quy trình Điều dưỡng.

37. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng (2:1:1)

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện và tổ chức hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn. Về mặt kỹ thuật, học phần cung cấp các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn; vai trò nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

38. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 (3:1:2)

Nội dung học phần chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa I bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa về tim mạch, hô hấp và tiết niệu; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa: Tim mạch, hô hấp và tiết niệu (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

39. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 (2:1:1)

Nội dung học phần chăm sóc người lớn có bệnh nội khoa II bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa về tiêu hóa, huyết học và nội tiết; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa: Tiêu hóa, huyết học và nội tiết-khớp (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

40. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 3 (4:2:2)

Nội dung học phần chăm sóc người lớn có bệnh nội khoa III bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa về lao, da liễu, thần kinh; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa, giáo dục tư vấn phòng bệnh lao, da liễu, thần kinh.

41. Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực (2:1:1)

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch, chăm sóc đặc biệt.

42. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (1:1:0)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về những thay đổi về tâm sinh lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; Nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và vai trò của người điều dưỡng.

43. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1 (3:1:2)

Giới thiệu các kiến thức cơ bản cho sinh viên trong quá trình thực tập lâm sàng chăm sóc điều dưỡng về Ngoại khoa. Sinh viên được hướng dẫn các kiến thức rất cần thiết trong vô khuẩn ngoại khoa và có khả năng chăm sóc người bệnh nhiễm trùng trong ngoại khoa. Thêm vào đó, học phần còn cung cấp thêm những kiến thức, kỹ năng chăm sóc người bệnh mắc những bệnh lý thường gặp về ngoại tổng quát và ngoại niệu. Cuối môn học, sinh viên có thể tự nhận định, lập kế hoạch, và chăm sóc được những người bệnh mắc các bệnh lý ngoại khoa thông thường về ngoại tổng quát và ngoại niệu.

44. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 (2:1:1)

Học phần này cung cấp những kiến thức tối thiểu cần trang bị cho người điều dưỡng nhằm chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lý về ngoại chấn thương chỉnh hình-bỏng và ngoại lồng ngực. Trang bị các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, và sơ lược về điều trị các bệnh lý về chấn thương chỉnh hình-bỏng và ngoại lồng ngực. Thêm vào đó, học phần còn giúp các sinh viên có thể nhận định được tình trạng bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lên kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch

chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lý về chấn thương chỉnh hình - bỏng và ngoại lồng ngực.

45. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 3 (4:2:2)

Học phần Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng, sơ lược về điều trị và cách chăm sóc các bệnh lý thường gặp về các chuyên khoa tai mũi họng, mắt, răng hàm mặt. Học phần này còn giúp sinh viên có khả năng thực hành chăm sóc người bệnh ở lâm sàng và thực hiện được việc giáo dục sức khỏe trong chăm sóc người bệnh mắc các bệnh thường gặp về tai mũi họng, mắt, răng hàm mặt.

46. Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng 1 (2:1:1)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về sức khỏe người phụ nữ từ độ tuổi sinh đẻ đến lúc mãn kinh. Từ đó giúp sinh viên thực hành lâm sàng tốt và học tiếp các học phần còn lại về sản khoa tốt hơn.

47. Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng 2 (2:1:1)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về sức khỏe người phụ nữ từ độ tuổi sinh đẻ đến lúc mãn kinh. Từ đó giúp sinh viên thực hành lâm sàng tốt và học tiếp các học phần còn lại về sản khoa tốt hơn.

48. Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 (2:1:1)

Nội dung chăm sóc sức khỏe trẻ em I bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý, bệnh lý ở trẻ em trong các giai đoạn phát triển của trẻ; chăm sóc sức khỏe trẻ em; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nhi khoa các chuyên đề về hô hấp và tiêu hóa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc trẻ bệnh).

49. Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 (2:1:1)

Nội dung chăm sóc sức khỏe trẻ em II bao gồm những kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ em, thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nhi khoa các chuyên đề về tim mạch – thận, dinh dưỡng và nhiễm. Từ đó, giúp người học vận dụng vào thực tiễn chăm sóc các bệnh lý tim mạch, thận và truyền nhiễm thường gặp.

50. Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm (2:1:1)

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm, chăm sóc điều dưỡng người mắc bệnh truyền nhiễm; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc bệnh truyền nhiễm, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh truyền nhiễm. Biết được quy trình báo và chăm sóc người bệnh truyền nhiễm khi có dịch xảy ra.

51. Chăm sóc sức khỏe tâm thần (2:1:1)

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần và chăm sóc sức khỏe tâm thần; các phương pháp trị liệu, chăm sóc người mắc các bệnh tâm thần; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cho người mắc bệnh tâm thần (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

52. Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng (2:1:1)

Nội dung gồm quá trình khuyết tật, các biện pháp phòng ngừa khuyết tật, các hình thức phục hồi chức năng, vai trò của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu, các dụng cụ phục hồi chức năng... Học phần giới thiệu vai trò của người điều dưỡng trong việc khám, lượng giá và lập kế hoạch chăm sóc cho các bệnh nhân mắc các bệnh thường gặp được điều trị bằng phương pháp vật lý trị liệu-phục hồi chức năng.

53. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (3:1:2)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; các phương pháp chăm sóc sức khỏe cộng đồng và vai trò, nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

54. Quản lý điều dưỡng (2:1:1)

Quản lý điều dưỡng là học phần quan trọng cung cấp kiến thức trong quản lý và lãnh đạo Điều dưỡng. Học phần này giới thiệu chức năng và nhiệm vụ của các cấp quản lý Điều dưỡng. Học phần này cũng trang bị những kiến thức, kỹ năng trong công tác quản lý Điều dưỡng tại bệnh viện. Nội dung học phần nhằm tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý của đội ngũ Điều dưỡng; góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc toàn diện cho người bệnh.

55. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh nội khoa (8:2:6)

Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc Nội là học phần rất quan trọng, để đào tạo sinh viên năm cuối có kiến thức cơ bản về định hướng chuyên khoa. Có khả năng nhận định, đánh giá và xử trí cấp cứu cơ bản chuyên khoa chăm sóc Nội. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc các bệnh nội khoa thường gặp.

56. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh ngoại khoa (8:2:6)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về ngoại thần kinh, để sinh viên có thể tiếp cận, nhận định và thực hành chăm sóc cho người bệnh mắc các bệnh lý về ngoại thần kinh. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị thêm kiến thức, cơ hội thực hành với các bệnh lý chấn thương cần sử dụng kỹ thuật cao để điều trị; cách chăm sóc người bệnh được điều trị với những phương pháp tân tiến nhất trong lĩnh vực ngoại chấn thương. Học phần cũng bổ sung một số kiến thức về 2 chuyên khoa ngoại tổng quát và ngoại niệu.

57. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh sản – phụ khoa (8:2:6)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức để giúp phát hiện sớm những trường hợp cấp cứu, có khả năng chẩn đoán và thực hiện chăm sóc những vấn đề phụ sản thông thường. Qua đó giúp sinh viên tham vấn có hiệu quả các vấn đề thuộc lĩnh vực sản phụ khoa.

58. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh nhi khoa (8:2:6)

Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc Nhi là học phần rất quan trọng, để đào tạo sinh viên năm cuối có kiến thức cơ bản về định hướng chuyên khoa. Có khả năng nhận định, đánh giá và xử trí cấp cứu cơ bản chuyên khoa chăm sóc Nhi. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nhi khoa các chuyên đề về sơ sinh (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc trẻ bệnh).

59. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt (8:2:6)

Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý, bệnh học, nguyên tắc điều trị, được các bệnh cấp cứu thường gặp các bệnh về Mắt, Tai mũi họng, răng hàm mặt tại y tế cơ sở; chăm sóc được và có hiệu quả các bệnh về Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt sau khi đã được trang bị những kiến thức chăm sóc điều dưỡng nội - ngoại khoa chung. Trên cơ sở mục tiêu học tập, sinh viên đề ra được phương pháp tự học phù hợp, kết hợp tốt giữa lý thuyết và thực hành nghề nghiệp.

60. Kiến thức chuyên ngành tổng hợp (3:3:0)

Học phần kiến thức tổng hợp, nội dung ôn tập và thi gồm 75 nội dung (25 nội dung/tín chỉ) tích hợp kiến thức cơ sở và lâm sàng. Nội dung thi tập trung vào thực tiễn và giải quyết tình huống lâm sàng với 04 chuyên ngành, bao gồm: Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa, Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa, Chăm sóc sức khỏe Trẻ em, Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng.

Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp:

- Điều dưỡng, điều dưỡng trưởng tại các cơ sở y tế.
- Giảng viên tại các cơ sở có giảng dạy chương trình đào tạo điều dưỡng, hộ sinh.
- Tiếp tục học bậc chuyên khoa cấp I, cấp II, thạc sĩ, nghiên cứu sinh ngành Điều dưỡng hoặc các ngành khoa học sức khỏe khác.